

Số: /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày tháng 10 năm 2021

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Kiên cố hóa kênh tưới Hàng Hậy, thôn Thái Phong, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN**

*Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: Số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí xây dựng; số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về ban hành định mức xây dựng; 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 về hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;*

*- Căn cứ Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 27/7/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Triệu Sơn khóa XVIII, kỳ họp thứ 2 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án: Kiên cố hóa kênh tưới Hàng Hậy, thôn Thái Phong, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn;*

*- Căn cứ Quyết định số 4994/QĐ-UBND ngày 08/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế, nhiệm vụ khảo sát và chi phí khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Kiên cố hóa kênh tưới Hàng Hậy, thôn Thái Phong, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn;*

*Theo đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng tại báo cáo thẩm định số 298/TĐ-KTHT ngày 27/10/2021 và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn tại Tờ trình số 496/TTr-BQLDA ngày 18/10/2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình: Kiên cố hóa kênh tưới Hàng Hậy, thôn Thái Phong, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn với các nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên công trình:** Kiên cố hóa kênh tưới Hàng Hây, thôn Thái Phong, xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn.

**2. Loại, cấp công trình:** Công trình Nông nghiệp và PTNT, cấp IV.

**3. Địa điểm xây dựng:** Xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**4. Chủ đầu tư:** UBND huyện Triệu Sơn.

**5. Quy mô đầu tư và các giải pháp thiết kế chủ yếu:**

**5.1. Quy mô đầu tư**

- Cấp công trình: Cấp IV;
- Diện tích tưới:  $F = 60$  ha;
- Lưu lượng yêu cầu tưới:  $Q = 0,096 \text{ m}^3/\text{s}$ .

**5.2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu**

a) *Tuyến kênh:* Xây dựng mới kênh tưới trên tuyến kênh hiện trạng với chiều dài  $L=644\text{m}$  (bao gồm cả cống hiện trạng) được chia thành các đoạn dài 10m, liên kết khe lún bằng giấy dầu tấm nhựa đường; mặt cắt ngang kênh hình chữ nhật kích thước  $b \times h = 0,6 \times 0,8\text{m}$ , chệch đáy  $0,1 \times 0,1\text{m}$ ; đáy kênh BTXM M200 đá  $1 \times 2\text{cm}$  dày 18cm đặt trên lớp nilon tái sinh; thành kênh BTXM M200 đá  $1 \times 2\text{cm}$  dày (15-18)cm, bố trí các thanh giằng trên tuyến bằng BTCT M200 đá  $1 \times 2\text{cm}$ , kích thước  $b \times h \times l = 0,12 \times 0,1 \times 0,7\text{m}$ . Hai bên kênh được đắp đất đảm bảo độ chặt  $K \geq 0,9$ .

Trên tuyến kênh đặt tám đan bằng BTCT M200 đá  $1 \times 2$ , kích thước tấm  $(a \times b \times h) = (0,5 \times 0,9 \times 0,12)\text{m}$  tại vị trí kênh qua đường và đoạn cuối tuyến (qua khu dân cư) với tổng chiều dài  $L=178\text{m}$ .

b) *Công trình trên tuyến:*

Cống lấy nước trực tiếp trên kênh: Trên tuyến bố trí 6 cống tại các vị trí (phía tả  $K0+441,3$ ; phía hữu:  $K0+173,3$ ;  $K0+223,5$ ;  $K0+318,8$ ;  $K0+386,5$ ;  $K0+443$ ); cống được lắp ghép bằng các ống BTCT  $LT\Phi 20$  dài 1,0m, dày 5cm, đặt trên bệ móng BTXM M200 đá  $1 \times 2\text{cm}$ ; đóng mở bằng cánh cửa BTCT M250 đá  $1 \times 2\text{cm}$ , kích thước  $b \times l \times h = 46 \times 35 \times 5\text{cm}$  và ổ khóa V0; Bể tiêu năng bằng BTXM M200 đá  $1 \times 2\text{cm}$ , bể rộng 40cm.

*(Vị trí, hình thức kết cấu chi tiết các hạng mục thể hiện trong hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công kèm theo).*

**6. Giá trị dự toán và nguồn vốn:**

**6.1. Giá trị dự toán: 1.096.555.000 đ**

*(Một tỷ, chín mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn)*  
Trong đó:

- Chi phí xây lắp	907.052.000 đ
- Chi phí QLDA	26.906.000 đ
- Chi phí TVĐTXD	101.893.000 đ

- Chi phí khác	18.528.000 đ
- Chi phí dự phòng	42.176.000 đ

*(có biểu chi tiết kèm theo)*

**6.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn vốn thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2021 tỉnh phân bổ cho huyện.

**7. Hình thức quản lý dự án:** Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn.

**8. Thời gian thực hiện:** Năm 2021.

**Điều 2.** Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng Luật Xây dựng và các quy định hiện hành của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc kho bạc huyện; Giám đốc Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, KTHT.

**CHỦ TỊCH**

**Vũ Đức Kính**

## DỰ TOÁN

### CÔNG TRÌNH: KIẾN CỐ HÓA KÊNH TƯỚI HÀNG HẠY, THÔN THÁI PHONG, XÃ THÁI HÒA, HUYỆN TRIỆU SƠN

*Đơn vị tính: Đồng*

TT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ VAT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
<b>I</b>	<b>CHI PHÍ XÂY DỰNG</b>	<b>824.592.727</b>	<b>82.459.273</b>	<b>907.052.000</b>
<b>II</b>	<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>	<b>26.906.461</b>		<b>26.906.461</b>
<b>III</b>	<b>CHI PHÍ TVĐTXD</b>	<b>92.630.395</b>	<b>9.263.040</b>	<b>101.893.435</b>
1	Khảo sát	18.756.364	1.875.636	20.632.000
2	Lập nhiệm vụ khảo sát	562.727	56.273	619.000
3	Giám sát khảo sát	763.636	76.364	840.000
4	Lập Báo cáo KT-KT	51.124.749	5.112.475	56.237.224
5	Giám sát thi công xây dựng	21.422.919	2.142.292	23.565.211
<b>IV</b>	<b>CHI PHÍ KHÁC</b>	<b>17.515.786</b>	<b>1.012.205</b>	<b>18.527.991</b>
1	Thẩm định báo cáo KT-KT	104.173		104.173
2	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	3.004.983		3.004.983
3	Kiểm toán	10.122.047	1.012.205	11.134.252
4	Kiểm tra công tác nghiệm thu xây dựng công trình của cơ quan quản lý nhà nước	4.284.584		4.284.584
<b>V</b>	<b>CHI PHÍ DỰ PHÒNG</b>	<b>38.465.815</b>	<b>3.709.381</b>	<b>42.175.195</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.000.111.184</b>	<b>96.443.898</b>	<b>1.096.555.082</b>
	<b>LÀM TRÒN</b>			<b>1.096.555.000</b>
<i>Một tỷ, chín mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn./.</i>				